

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99/2024/HS-ST**
Ngày: 21-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đỗ Thị Luyến,
ông Lê Quang Nhuận

- Thư ký phiên tòa: ông Quảng Ngọc Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Bé Thị Kim Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Đặng Quang H, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1991, tại xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Bình L, sinh năm 1967 và bà Đoàn Thị N, sinh năm 1968; bị cáo có vợ Lò Thị T (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án xét xử.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/3/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, đến ngày 30/5/2024 được thay đổi từ tạm giam bằng áp dụng biện pháp bảo lãnh cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Hoàng U, sinh năm 1991; địa chỉ: C, tổ A, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Trung N1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 19 giờ ngày 23/02/2024, bị cáo Đặng Quang H đang đi chở khách ở huyện H, tỉnh Bò Kẹo, Lào thì nhận được tin nhắn zalo của người đàn ông tên L1 (tài khoản Z tên “Long T1”) với nội dung sáng 24/02/2024 ra đón người có tên B (người Việt Nam, bị cáo không biết tên thật) ở cổng đặc khu kinh tế, sau đó bảo B dẫn vào quán gái ở trong đặc khu đón một khách đưa về Hà Nội, bị cáo đồng ý và chụp ảnh màn hình tin nhắn của L1 nhắn cho bị cáo rồi gửi cho B qua Z. Sáng ngày 24/02/2024, bị cáo gặp Trần Trung N1 là anh vợ “Long T1” lấy chìa khóa xe ô tô đi đón B. Theo sự chỉ dẫn của B, H đi đến một quán “gái” (tức là quán H1) do người Trung Quốc làm chủ. Bờm nói chuyện với một người đàn ông người Trung Quốc bằng tiếng Trung Quốc nên bị cáo H không rõ họ nói gì. Nói chuyện xong, người Trung Quốc dẫn Hoàng U (sinh năm 1993 trú tại C, tô A, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai - sang Lào làm thuê) đi ra giao cho H và B. H điều khiển xe ô tô chở U và B về nhà nghỉ S1, đưa U vào nghỉ phòng số 11. Tại nhà nghỉ, N1 gọi cuộc gọi video với “Long Tổng”, sau đó đưa cho bị cáo H cầm điện thoại vào phòng để “Long T1” nói chuyện với U, H cầm điện thoại mở giờ điện thoại cho “Long Tổng” và U nói chuyện với nhau. L1 hỏi *“Sao mày báo Công an”*. Uyên nói *“em xin hộ chiếu để về nhưng chủ không cho nên em báo Công an”*. L1 nói *“bây giờ phải trả 2 vạn rưỡi để lấy tiền đây chuộc thẳng quản lý người Trung Quốc ra vì mày báo Công an bắt”*. U không nói gì. Sau đó “Long T1” nói *“Móc, tát nó mấy cái”* (Móc là biệt danh của bị cáo H). Nghe theo lời L1 nói, H tát vào má Uyên 3-4 cái, U khóc van xin H, B cho U được trở về Việt Nam. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, “Long Tổng” gọi điện thoại bảo H đưa U qua sông để sang nước Myanmar, H sang nói với U *“chuẩn bị đồ để đi dò sang sông, đi chui về Việt Nam”*. Lúc đó, U hiểu đi đường sông thì là bị đưa sang nước Myanmar chứ không phải về Việt Nam vì vậy đã quỳ xuống xin H không đưa U sang nước Myanmar. Thấy vậy H đã gọi điện thoại cho L1, nói *“Uyên nó không đi”*, L1 đồng ý không đưa U sang Myanmar nữa nhưng buộc U phải đưa cho L1 2.500.000 NDT tương đương 87 triệu đồng tiền Việt Nam. U đồng ý đưa số tiền trên cho “Long Tổng” và hỏi H mượn điện thoại để liên lạc với người thân. H đã mượn 01 chiếc điện thoại của một người đàn ông tên Q làm đầu bếp trong nhà nghỉ (H không rõ năm sinh, địa chỉ) đưa cho U để liên lạc với gia đình và bạn bè vay tiền. Trong thời gian ở nhà nghỉ chờ U có hộ chiếu và chờ người thân của U gửi tiền sang, H theo sự chỉ đạo của “Long T1” liên tục có hành vi đe dọa quát mắng yêu cầu U gọi điện giục người thân nhanh chuyển tiền sang cho “Long Tổng” nếu không sẽ bị bán sang Myanmar. Uyên trình bày hoàn cảnh khó khăn, bố bị bệnh thận phải đi mổ thận xin giảm tiền xuống còn 60 triệu được L1 đồng ý và bảo bị cáo H *“về đến Việt Nam thì nó (U) chuyển 60.000.000 đồng, chuyển thì chuyển thẳng vào tài khoản của chú, nếu nó bắt tiền thì anh trả cho chú 03 tháng tiền lương”*. Bị cáo H bảo *“Vâng”*. Theo thỏa thuận thì 03 tháng tiền lương của bị cáo H là 45.000.000 đồng. Gia đình U đã chuyển 7.700.000 đồng cho H để gia hạn hộ chiếu và phí đi đường. Còn số tiền 60.000.000 đồng, U và bạn bè của U thỏa thuận với H khi về đến Việt Nam thì sẽ chuyển đủ cho H.

Đến khoảng 18 giờ 30 ngày 26/02/2024 bị cáo H đưa U về Việt Nam theo đường bộ qua Cửa khẩu quốc tế T2 thuộc tỉnh Điện Biên. Khi đến khu vực làm

thủ tục nhập cảnh tại Cửa khẩu quốc tế T2, lợi dụng sơ hở của H, U đã trình báo với Đ Biên phòng về việc bị H cưỡng đoạt tài sản. Ngày 28/02/2024 Đồn biên phòng Cửa khẩu quốc tế T2 đã tiến hành giao toàn bộ hồ sơ và người cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục điều tra làm rõ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận giám định số 555/KL-KTHS ngày 20/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Có 164 cuộc gọi; 38 tin nhắn SMS; 3.816 tin nhắn Facebook; 3.429 tin nhắn Facebook Messenger; 30.224 tin nhắn Zalo; 321 lịch sử duyệt Web; 18.131 tệp tin hình ảnh; 229 tệp tin video; 156 tệp tin âm thanh. Trong đó có hình ảnh chụp màn hình tin nhắn zalo của tài khoản “Long T1” gửi đến tài khoản Zalo của bị cáo H với nội dung: *“Sáng mai 7h sáng vào đón nó, dặn ng đón nó nói dối là đón đưa về hà nội. Đón nó thì thu đt nó, xóa hết phương thức liên lạc, lịch sử trò chuyện, không để nó xuất hiện ở đặc khu nữa”, “M với thằng bờm buổi sang vào đón con nhân viên ra nhà ngit”, “Ngủ mình làm như tn a gửi ấy nhé”*.

Bản Cáo trạng số: 12/CT-VKS-P2 ngày 25/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Đặng Quang H để xét xử về tội *“Cưỡng đoạt tài sản”* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Quang H từ 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 7 Plus, màu đen, tình trạng cũ đã qua sử dụng, số IMEI 353810082827606, bên trong không gắn sim là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với bị hại Hoàng U số tiền 4.723.000 đồng tiền do bị lỡ chuyến bay từ Điện Biên đến Thành phố Hồ Chí Minh; bồi thường tổn thất tinh thần, sức khỏe là 10.000.000 đồng. Bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì thêm.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Đặng Quang H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng bị cáo Đặng Quang H thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không bị oan sai và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Hoàng U vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt và đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đặng Quang H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Quang H khai nhận đúng như nội dung bản Cáo trạng và Luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kết luận giám định 555/KL-KTHS ngày 20/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định từ ngày 24/02/2024 đến ngày 27/02/2024, từ tỉnh Bò Kẹo, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đến Cửa khẩu quốc tế T2 thuộc xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên Đặng Quang H bằng thủ đoạn uy hiếp tinh thần làm cho bị hại Hoàng U hoảng sợ nên không đưa số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng) thì sẽ bị bán sang M.

Hành vi của bị cáo Đặng Quang H là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, quyền nhân thân của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự:

Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo về tội cưỡng đoạt tài sản theo điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Đây là vụ án mà tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ của nước Việt Nam (*xảy ra từ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đến Cửa khẩu quốc tế T2, huyện Đ thì bị phát hiện*) nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 268 và khoản 1 Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Xét hành vi đe dọa, cưỡng ép chị Hoàng U phải chuyển cho bị cáo H số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) nếu không đưa tiền sẽ bị bán sang

Myanmar của bị cáo là rất nghiêm trọng. Bị cáo đã lợi dụng việc đưa chị U từ Đặc khu kinh tế nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về thành phố Hà Nội, nước C1; lấy quyền quyết định trong việc có đưa chị U về nước hay bán sang nước Myanma để đe dọa cưỡng đoạt tài sản của chị U.

Mặc dù biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện là do muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, bị cáo đã cố ý trực tiếp, đe dọa làm cho chị Hoàng U sợ hãi nhằm cưỡng đoạt tài sản của chị Hoàng U với số tiền số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), nhưng chưa cưỡng đoạt được thì bị cáo đã bị bắt. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền định đoạt tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo và bị hại thoả thuận bồi thường một phần thiệt hại với số tiền là 14.723.000 đồng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa; mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ để xem xét chấp nhận. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét toàn diện, khách quan tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định; bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, lần đầu tiên thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo đã ly hôn vợ và đang phải trực tiếp nuôi hai con còn nhỏ (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2022). Do vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ để trừng trị và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính khoan hồng, tính nhân đạo, tính nhân văn trong pháp luật hình sự, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được lao động để kiếm tiền chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái; đồng thời có tác dụng trong công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự thì: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, là lao động

tự do, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại, cho đến ngày xét xử sơ thẩm bị hại và bị cáo không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 7 Plus, màu đen, tình trạng cũ đã qua sử dụng, số IMEI 353810082827606, bên trong không gắn sim, đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đặng Quang H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với người đàn ông tên “Bờm”, “Long T1” chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc được. Viện kiểm sát chưa đủ cơ sở để khởi tố, truy tố bị can đối với những người nêu trên. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý trong vụ án này.

- Quá trình điều tra xác định Đỗ Tiến C, Trần Thị Diễm S không tham gia vào việc cưỡng đoạt tiền của bị hại. Viện kiểm sát không truy tố, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Trung N1 trình bày: Do là người được giao quản lý nhà nghỉ trên cơ sở danh nghĩa chứ thực tế không được thu tiền của khách đến nghỉ mà chỉ tiền theo tháng theo sự phân công của Long T1, hôm bị cáo Q1 đưa Hoàng U về phòng nghỉ số 11 tôi (Nguyên) có biết, nhưng không biết bị cáo H có hành vi cưỡng đoạt tài sản của chị Hoàng U hay không, vì hôm đó bị đau mắt nằm trong phòng nghỉ. Viện kiểm sát chưa có đủ cơ sở truy tố, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Quang H phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Quang H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2024).

- Giao bị cáo Đặng Quang H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Đặng Quang H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trong việc giám sát giáo dục bị cáo Đặng Quang H.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Đặng Quang H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Đặng Quang H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho Đặng Quang H hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Quang H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590, Điều 592 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại của bị cáo Đặng Quang H đối với bị hại Hoàng U số tiền 14.723.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng). Hoàng U đã nhận đủ số tiền trên.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* **Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 7 Plus, màu đen, tình trạng cũ đã qua sử dụng, số IMEI 353810082827606, bên trong không gắn sim, được niêm phong trong một phong bì màu trắng.

(*Tình trạng, đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 26/6/2024*).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Quang H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2024).

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã N2 hại cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TAND tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo Đặng Quang Huân;
- Bị hại Hoàng Uyên;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Cao Đại, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Văn Khanh